TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 19-01-2021
"V/v *ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quang Liêm và bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2020/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đoàn Hoài T**, sinh năm 1996; ĐKHKTT: thôn O, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: thôn Đ, xã N, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1980; ĐKHKTT: thôn O, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1955; địa chỉ: thôn O, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

(Chị T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T1 và bà T2 đều vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Đoàn Hoài T trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2015 tại UBND xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống tại cùng với mẹ anh T1 ở thôn O, xã H, sau đó vợ chồng xây nhà trên đất của mẹ anh T1 cho và ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, anh T1 không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời dẫn đến nợ tiền của nhiều người,

nhiều lần các chủ nợ kéo đến đòi nợ gây áp lực nên chị rất sợ hãi. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh T1 nhiều nhưng anh ấy không thay đổi, mẹ anh T1 đã phải bán nhà đất để trả nợ cho anh T1. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc, bị áp lực nhiều nên đến tháng 02/2019, chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1 để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng, tài liệu cho bị đơn và nhiều lần triệu tập, nhưng anh T1 không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị T2 (mẹ anh T1) trình bày: Sau khi chị T, anh T1 kết hôn với nhau vào năm 2015 thì ở chung với bà, đến năm 2016, anh chị xây nhà và ra ở riêng trên thửa đất của gia đình cho, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T1 mải chơi, không tu chí làm ăn dẫn đến nợ nần nhiều, bà phải đi vay mượn, bán hết nhà đất để trả nợ cho anh T1. Do cuộc sống không có hạnh phúc nên tháng 02/2019, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, còn anh T1 đi làm ăn xa để lấy tiền trả nợ, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Anh T1 đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về qua nhà rồi lại đi, bà cũng không rõ hiện anh T1 làm gì, ở đâu. Khi Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã trực tiếp thông báo cho anh T1 biết, anh T1 có trao đổi với bà, do công việc bận nên không về Toà án làm việc được, đề nghị Toà án cứ giải quyết vắng mặt, vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả làm việc với đại diện UBND xã H và các đoàn thể và chính quyền thôn O đều được cung cấp: Anh T1, chị T được tự do tìm hiểu tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh, chị sinh sống tại địa phương, vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận được khoảng hơn 03 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T1 không tu chí làm ăn, mà chơi bời dẫn đến nợ nần nhiều, mẹ anh T1 đã phải đi vay, bán cả nhà đất để trả nợ nhưng anh ấy vẫn không chịu thay đổi. Do chán nản, nên đầu năm 2019, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Anh T1 đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về thăm gia đình và thường xuyên liên lạc về nhà, hiện anh T1 vẫn đăng ký hộ khẩu tại địa phương, chưa chuyển khẩu đi nơi khác, chưa đăng ký tạm vắng hay làm thủ tục xuất cảnh. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T1, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh T1 không đến tham gia nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 05/01/2021, bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Chị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đoàn Hoài T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1; Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Đoàn Hoài T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị T vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Đoàn Hoài T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện kết hôn và được UBND xã H, huyện Tứ Kỳ đăng ký, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/10/2015 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị T, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của người làm chứng (bà T2) có căn cứ xác định, sau khi kết hôn, chị T và anh T1 chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 03 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm. Bên cạnh đó, anh T1 mải chơi, không tu chí làm ăn, dẫn đến nợ nần nhiều, gia đình đã phải đi vay, bán nhà đất để trả nợ cho anh T1 nhưng anh T1 vẫn không thay đổi, nhiều người đến đòi nợ, gây áp lực dẫn đến cuộc sống vợ chồng rất căng thẳng. Căn cứ vào các tài liệu Toà án thu thập được xác định anh T1 hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn O, xã H, hiện đi làm ăn tự do, thỉnh thoảng có về nhà khi có công việc rồi lại đi. Chị T đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn tại thời điểm khởi kiện và đã được UBND xã H xác nhận được coi

là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên khi anh T1 đi làm ăn nơi khác gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nhưng không thông báo cho chị T biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự được coi là cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho chị T trong việc ly hôn. Từ khi Toà án thụ lý vụ án đến nay, anh T1 cũng không về Toà án để làm việc, tham gia hoà giải theo các văn bản đã được Toà án giao cho người thân, chứng tỏ anh T1 không có thiện chí đoàn tụ, chị T vẫn cương quyết ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên Toà án không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đoàn Hoài T ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. Về án phí: Chị Đoàn Hoài T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2017/0009921 ngày 07/10/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã H, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
((Đã ký)

Nguyễn Văn Quân